

Bản án số: 505/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp P, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.**

2. **Bị đơn:** Bà **Trần Thị Ngọc V**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: **C ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/20223 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Lê Văn H** trình bày:*

Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Ngọc V** tự nguyện chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** năm 2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình bên vợ ở **huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Đến cuối năm 2018 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 06 năm 2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của ông chỉ còn là hình thức nên ông có nguyện vọng được ly hôn với bà **V**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại **huyện H** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn H** và bà **Trần Thị Ngọc V** tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 240 Quyền số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, **huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 28/11/2015 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông **H** và bà **V** là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn khai sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, từ tháng 6 năm 2022 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng bà **V** vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ bà **V** không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai người đã không chung sống từ tháng 6 năm 2022 đến nay, một thời gian dài mà hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của ông **H** và bà **V** đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông **H** và bà **V** không có con chung nên Hội đồng không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng không xem xét.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông **Lê Văn H** phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Lê Văn H** được ly hôn với bà **Trần Thị Ngọc V**.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Lê Văn H** phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông **Lê Văn H** đã nộp theo biên lai thu số 0015834 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Lê Văn H** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Phụng